

**GUIDANCE ON PRACTICAL AND
INTERNSHIP PROGRAMS FOR
PRESCHOOL EDUCATION STUDENTS
BASED ON LEARNING OUTCOMES**

Hoang Thi Nho^{1*}, Luu Thi Chung²
and Nong Thi Kim Hoan³

¹Faculty of Early Childhood and Primary,
Education VNU University of Education, Vietnam
National University, Ha Noi City, Vietnam

²Faculty of Preschool and Primary Education,
Hoa Lu University, Ninh Binh province, Vietnam

³Department of Early Childhood Education,
Cao Bang College of Education,
Cao Bang province, Vietnam

*Corresponding author: Hoang Thi Nho,
e-mail: htnho@vnu.edu.vn

Received August 26, 2024.

Revised September 24, 2024.

Accepted October 1, 2024.

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG
TRÌNH THỰC HÀNH, THỰC TẬP CHO
SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM
NON DỰA VÀO SẢN PHẨM HOẠT ĐỘNG**

Hoàng Thị Nho^{1*}, Lưu Thị Chung²
và Nông Thị Kim Hoàn³

¹Khoa Giáo dục Sớm và Tiểu học,
Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia
Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam

²Khoa Sư phạm Tiểu học -Mầm non,
Trường Đại học Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

³Khoa Giáo dục mầm non, Trường Cao đẳng
sư phạm Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Hoàng Thị Nho,
e-mail: htnho@vnu.edu.vn

Ngày nhận bài: 26/8/2024.

Ngày sửa bài: 24/9/2024.

Ngày nhận đăng: 1/10/2024.

Abstract. The article focuses on guiding the practical and teaching internship program for Early Childhood Education students based on learning outcomes. The research methods included analyzing programs from various universities and discussing with lecturers the feasibility of the instructional content, surveying 89 students at 2 universities. Student survey results show that most students highly rated the program's relevance to professional competencies. The analysis of training programs and discussions with lecturers indicate that the teaching internship program helps students develop practical skills, though it needs to be more detailed to support students in self-monitoring and evaluating their training process. The study also suggests improving the program based on performance outcomes to enhance the quality of graduates.

Keywords: early childhood education, professional development, professional capacity.

Tóm tắt. Bài báo tập trung nghiên cứu cách hướng dẫn chương trình thực hành và thực tập sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non dựa trên kết quả học tập. Phương pháp nghiên cứu bao gồm phân tích chương trình của các trường đại học và thảo luận với giảng viên về tính khả thi của các nội dung hướng dẫn, khảo sát 89 sinh viên của 2 trường đại học. Kết quả khảo sát sinh viên cho thấy đa số sinh viên đánh giá cao mức độ phù hợp của chương trình với năng lực nghề nghiệp. Kết quả phân tích các chương trình đào tạo và trao đổi giảng viên thể hiện chương trình thực tập sư phạm giúp sinh viên phát triển các kỹ năng thực tiễn, tuy nhiên cần được thiết kế chi tiết hơn để hỗ trợ sinh viên tự theo dõi và đánh giá quá trình rèn luyện. Nghiên cứu cũng đề xuất cải tiến chương trình dựa trên sản phẩm hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đầu ra của sinh viên.

Từ khóa: giáo dục mầm non, phát triển chuyên môn, năng lực nghề nghiệp.

1. Mở đầu

Những thay đổi đáng kể trong đào tạo giáo viên trên toàn thế giới trong 20 năm qua có liên quan đến một xã hội đang thay đổi, giáo dục hòa nhập, những thách thức mới, sự đa dạng gia đình, đa dạng giới, sự bất bình đẳng kinh tế xã hội, việc sử dụng công nghệ ngày càng tăng trong giáo dục và sự cần thiết chú trọng đến các chính sách giáo dục và nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và giảng dạy (Ministère de l'Éducation Gouvernement du Québec, 2021). Những thay đổi này cũng ảnh hưởng tới năng lực chuyên môn của giáo viên [1].

Hoạt động của giáo viên mầm non (GVMN) xét về năng lực chuyên môn cơ bản, tập trung vào việc áp dụng kiến thức trong các tình huống cụ thể. Năng lực này được hình thành thông qua việc tổng hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ và động lực (Klieme, Hartig, & Rauch, 2008; Kunter et al, 2013) [2].

Đã có một số nghiên cứu quan tâm đến việc đánh giá chất lượng GVMN hiện nay chú trọng đến thiết kế phiếu đề giáo viên tự đánh giá năng lực sư phạm cá nhân (Maja Ljubetic, 2012), giải pháp nâng cao chất lượng GVMN từ việc cải thiện chất lượng đào tạo và năng lực chung của các khoa sư phạm đào tạo GVMN (Đại học George Mason, 2009) [4].

Ở Việt Nam, tác giả Lê Thị Luận, 2021 đã đề xuất Khung năng lực GVMN với những lĩnh vực cụ thể gồm: (1) *Kiến thức về năng lực giảng dạy, thực hành sư phạm và đánh giá của GVMN*; (2) *Môi trường học tập* (Xây dựng môi trường nuôi dưỡng hòa nhập và an toàn, Nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng, an toàn và bảo vệ trẻ); (3) *Sự tham gia và hợp tác* (4) *Phát triển chuyên môn* [5].

Tác giả Lưu Thị Chung và Hoàng Thị Nho (2022) đã đưa ra đề xuất chương trình đào tạo GVMN cũng cần chú trọng đến một số nội dung như: kiến thức an toàn và kỹ năng sơ cứu; Kỹ năng quan sát, sàng lọc và đánh giá, quản lý hồ sơ; Kiến thức về trẻ có nhu cầu đặc biệt và giáo dục hòa nhập; Xây dựng môi trường học tập và phát triển chương trình, quản lý hành vi trẻ em [6]. Các tác giả cũng chỉ ra rằng GVMN đánh giá yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng chương trình thực hành và thực tập sư phạm (TTSP) là sinh viên (SV) phải xác định được rõ động cơ về nâng cao năng lực nghề nghiệp trong tương lai khi SV tham gia thực hành, TTSP.

Malm 2009; Shin 2012 đã lập luận rằng các chương trình đào tạo vào mang tính "tổng quát về nghiệp vụ của giáo viên", chú trọng hơn vào việc tạo ra các môi trường để sinh viên (SV) có thể học hỏi một cách nghiêm túc về ý nghĩa của việc trở thành một giáo viên, thay vì tập trung chủ yếu vào việc thực hiện nhiệm vụ và học tập tri thức [7].

Thực hành, TTSP ở cơ sở giáo dục mầm non là một nội dung bắt buộc trong quá trình đào tạo GVMN tương lai. Đây là một giai đoạn quan trọng trong sự phát triển nghề nghiệp của người học, tuy nhiên hiện nay việc thiết kế các nội dung hướng dẫn thực hành, TTSP cho giáo viên mầm non chưa đáp ứng được sự chủ động trong theo dõi, đánh giá, điều chỉnh quá trình rèn luyện của sinh viên.

Tổ chức thực hành, TTSP là một thành tố quan trọng của công tác đào tạo GVMN và có mối quan hệ chặt chẽ với năng lực của GVMN sau này trong các cơ sở đào tạo. Bài báo nhằm tìm hiểu các tiêu chí quan trọng để, đánh giá nhiệm vụ thực hành, TTSP và đề xuất hướng dẫn thực hành, TTSP của SV ngành GDMN trong quá trình thực hành nghề tại các cơ sở đào tạo dựa vào sản phẩm hoạt động, từ đó giúp sinh viên dễ dàng hiểu các tiêu chí và nhiệm vụ cần thực hiện, có khả năng tự định hướng quá trình và kết quả thực hành, TTSP trong thực hiện các chương trình thực hành nghề nhằm hướng đến chuẩn bị chất lượng đầu ra của sinh viên ngành GDMN.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Các khái niệm có liên quan

2.1.1. Chương trình thực hành, thực tập sư phạm của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Thực hành là một quá trình phát triển từ nắm vững các kỹ năng giảng dạy cơ bản, phát triển trí tuệ giáo dục, áp dụng lý thuyết, phát triển kỹ năng và phát triển kiến thức thực hành của sinh viên.

Thực tập sư phạm đề cập đến các hoạt động thực tập giảng dạy trong giai đoạn đào tạo trước khi tuyển dụng. Thực tập sư phạm là một học phần, giống như học phần về giáo dục cơ bản và phương pháp giảng dạy.

Từ những phân tích trên về định nghĩa thực hành TTSP, có thể kết luận rằng TTSP có những đặc điểm chính sau: (1) Thực hành, TTSP là một bộ phận quan trọng của đào tạo giáo viên. Đây là hoạt động thực hành toàn diện quan trọng và bắt buộc đối với các nhà giáo dục mầm non nhằm hướng dẫn thực tập sinh quan sát, tham gia và nghiên cứu TTSP một cách có mục đích, có kế hoạch và có tổ chức, vừa chủ động vừa có ý thức. Người học sử dụng kinh nghiệm thực tế và để thực tập sinh kết hợp kinh nghiệm làm việc để bồi dưỡng năng lực chuyên môn của thực tập sinh giúp họ đào sâu sự hiểu biết và nhận thức của họ về kiến thức chuyên môn và tích hợp sự hiểu biết về nhận thức và lí trí của họ về thực hành giảng dạy.

Chương trình thực hành, TTSP là hoạt động quan trọng trong quá trình đào tạo sinh viên sư phạm. Đây là khoảng thời gian sinh viên được trực tiếp áp dụng những kiến thức lí thuyết đã học vào thực tiễn giảng dạy, làm việc tại các cơ sở giáo dục.

Chương trình thực hành sư phạm cho cử nhân chuyên ngành Giáo dục mầm non là một phần quan trọng của chương trình đào tạo giáo dục và chuyên môn “Giáo dục mầm non” và là thành tố cốt lõi của nội dung giáo dục nhằm mục đích giúp sinh viên tiếp thu năng lực nghề nghiệp [3].

2.1.2. Thiết kế nội dung hướng dẫn thực hành, thực tập sư phạm của sinh viên ngành Giáo dục mầm non theo sản phẩm hoạt động

Thiết kế nội dung hướng dẫn thực hành, TTSP là việc mô tả được một kế hoạch chi tiết công việc và kết quả cụ thể cho từng phần của chương trình thực hành, TTSP được xác định dựa vào một số tiêu chuẩn giáo dục và định hướng giá trị phù hợp với nhu cầu phát triển đào tạo giáo viên cũng như nhu cầu của môi trường xã hội thực tế và sự phát triển của trẻ. Nội dung hướng dẫn phải hướng vào mục tiêu mà khóa thực hành giảng dạy cần đạt được, nội dung cần cung cấp, cách tổ chức và thực hiện, cách đánh giá. Thiết kế hướng dẫn dựa vào mục tiêu, kết quả đầu ra cho hoạt động thực hành và TTSP và mục tiêu này cũng phù hợp với mục tiêu của chương trình được thực hiện dưới các tiêu chí, nhiệm vụ cụ thể.

Khi thiết kế hướng dẫn thực hành, TTSP cần chú ý làm rõ được: Mục tiêu, nội dung cốt lõi của chương trình thực hành, TTSP là gì? Những dẫn dắt, gợi ý chính của tài liệu hướng dẫn đối với kết quả của thực hành thực tập giảng dạy là gì? Tài liệu hướng dẫn ảnh hưởng như thế nào đến mục tiêu, nội dung, việc thực hiện và đánh giá các đợt thực hành, thực tập giảng dạy trong giáo dục mầm non? Tài liệu hướng dẫn thực hành, thực tập giảng dạy đánh giá kết quả thực tập giảng dạy như thế nào?

2.2. Chương trình thực hành, thực tập sư phạm đối với rèn luyện và phát triển năng lực nghề của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Chương trình thực hành của giáo viên là điều kiện tiên quyết để nâng cao chất lượng quá trình giáo dục ở các cơ sở giáo dục mầm non. Vì vậy, năng lực chuyên môn của GVMN tương lai là một trong những ưu tiên của các trường trong tổ chức các hoạt động đào tạo nghề và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm ở bậc đại học (Czepil, 2021) [3].

Năng lực chuyên môn nghề nghiệp là “tập hợp kiến thức, kĩ năng và trách nhiệm cần thiết để thực hiện hoạt động nghề nghiệp trong một tình huống công việc nhất định”. Chuẩn nghề nghiệp là một trong những văn bản cơ bản quy định nội dung giáo dục nghề nghiệp của GVMN hiện nay ở Việt Nam.

Năng lực chuyên môn thường được tiếp thu trong các chương trình giáo dục chính quy và được phát triển hơn nữa trong các hoạt động chuyên môn. Tuy nhiên, với sự phát triển của công nghệ và các chuyên ngành mới, việc đào tạo không chính thức, phát triển năng lực tự học, tự theo dõi đánh giá ngày càng trở nên quan trọng trong việc phát triển năng lực nghề nghiệp, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, những người thực hành đề cao bản sắc của họ như một người chuyên

nghiệp và khuyến khích học tập suốt đời (Wimmers & Mentkowski, 2016). Gần đây, những người làm việc trong lĩnh vực giáo dục rất chú trọng đến trải nghiệm thực tế và sự tự suy ngẫm [1].

Mục tiêu chính của giáo dục đại học hiện đại là chuẩn bị nguồn nhân lực có trình độ và cạnh tranh cho thị trường lao động, những người có khả năng làm việc hiệu quả trong chuyên môn của họ ở cấp độ tiêu chuẩn toàn cầu, sẵn sàng cho sự phát triển nghề nghiệp liên tục, khả năng di chuyển xã hội và nghề nghiệp, và có năng lực chuyên môn phù hợp.

Sinh viên (SV) cử nhân ngành giáo dục mầm non phải trải qua ít nhất 5 đợt thực tập, thực hành trong quá trình học. Mỗi đợt thực tập và thực hành sư phạm bao gồm các nội dung, nhiệm vụ, hình thức tổ chức và phương pháp mới. Những yếu tố này được kết hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục, nuôi dưỡng, nghiên cứu và làm việc với trẻ em trong môi trường giáo dục mầm non.

Nhiệm vụ của sinh viên tập trung vào các hoạt động gồm: Quan sát sự phát triển của trẻ em; Lập kế hoạch giáo dục, xây dựng/chuẩn bị môi trường, vật liệu; tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ (chế độ sinh hoạt, hoạt động học tập, vui chơi, hoạt động ngoài trời...); đánh giá kết quả giáo dục trẻ; Quan sát, phân tích và tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ: phát triển nhận thức, thể chất, ngôn ngữ, toán, làm quen với các hoạt động về văn hóa, truyền thống dân tộc; tổ chức các hoạt động học tập của lớp học, ngày lễ, sự kiện, trò chơi; Đảm bảo thực hiện chế độ sinh hoạt hàng ngày và tổ chức các hoạt động vui chơi, học tập; thiết kế đồ dùng trực quan, đồ chơi cho các lớp học, trò chơi, ngày lễ, sự kiện thể thao và âm nhạc theo kế hoạch, các hoạt động câu lạc bộ...[3].

Trong quá trình TTSP, sinh viên ghi nhật kí quan sát sư phạm, trong đó ghi lại những thông tin cần thiết để thực hiện nhiệm vụ thực tập, nêu rõ tiến độ thực hiện (theo kế hoạch thực tập cá nhân), bao gồm cả việc nghiên cứu, phân tích tài liệu của người dạy nhóm. Các tài liệu sẽ được sử dụng để báo cáo về công việc đã thực hiện trong thời gian thực tập [3], [6].

Trong các học kì 6, 7 và 8, SV được tham gia các đợt thực hành, TTSP, có tính chất hoạt động và tạo điều kiện để SV tự nhận thức về nhân cách, tham gia giải quyết các nhiệm vụ sáng tạo, thiết kế thành thạo logic của các nhiệm vụ của quá trình sư phạm, sử dụng các hình thức, phương pháp, phương tiện, công nghệ sư phạm đổi mới; xác định các vấn đề có liên quan đến trẻ em ở một nhóm tuổi cụ thể [3].

Với bốn năm đào tạo chuyên môn của GVMN tương lai, nhiều hình thức thực tập khác nhau sẽ được cung cấp. Kết quả là sinh viên đại học có được những năng lực cụ thể phù hợp. Chương trình đào tạo chuyên môn và thực hành của sinh viên có cấu trúc từng bước, xuyên suốt nhằm nắm vững kiến thức, năng lực, kĩ năng nghề nghiệp [3], [6].

Năng lực của GVMN được công nhận trong các nghiên cứu là yếu tố then chốt để đảm bảo chất lượng giáo dục mầm non. Năng lực của GVMN bao gồm một số thành phần: năng lực sư phạm chung, năng lực nội dung cụ thể, năng lực giáo viên riêng biệt, năng lực chơi, năng lực quan điểm của trẻ và năng lực hợp tác và xã hội (Lillvist, Sandberg, Sheridan & Williams, 2014) [7].

Cấu trúc năng lực nghề nghiệp của GVMN, được hình thành bởi sự tương tác của ba nhóm thành phần, bao gồm: phẩm chất chuyên môn; khả năng vận hành/quản lí lớp học, năng lực giao tiếp và phẩm chất đạo đức (McNally, Slutsky, 2018) [1].

Cấu trúc năng lực của mỗi giáo viên bao gồm ba thành phần nhưng sự đóng góp của mỗi thành phần là khác nhau. Thành phần quan trọng nhất là phẩm chất chuyên môn. Bằng cách đưa việc tự đánh giá vào chương trình đào tạo giáo viên, các sinh viên được khuyến khích tự đặt câu hỏi về bản chất của việc học, tác động của trải nghiệm đối với việc học thêm, cách làm cho việc học của họ hiệu quả hơn và cách khám phá hiệu suất của mình để cải thiện. Nhờ đó, SV dễ dàng hiểu được những gì và cách họ đang làm với tư cách là giáo viên, đồng thời họ có thể nhìn thấy cả thành công và thất bại mà không sợ phải thừa nhận rằng có những điều họ chưa biết và người học sẵn sàng học hỏi từ kinh nghiệm của chính họ (Latkovska, 2015). Tự đánh giá có vai trò quan trọng đối với quá trình học tập và phát triển năng lực năng động của mỗi người học [1].

Trong chương trình thực hành, TTSP đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên ngành sư phạm tại các trường đại học ở Việt Nam. Việc tiếp xúc với môi trường giáo dục thực tế thông qua các kỳ thực tập không chỉ giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn, mà còn cung cấp cơ hội để họ rèn luyện các kỹ năng cần thiết như giao tiếp, quản lý lớp học, và xử lý tình huống sư phạm. Mỗi trường đại học ở Việt Nam có quy trình và khung chương trình thực tập khác nhau, tùy thuộc vào yêu cầu của ngành học và định hướng đào tạo của từng cơ sở giáo dục. Chẳng hạn, tại Đại học Sư phạm Hà Nội, chương trình TTSP bao gồm 2 giai đoạn chính: giai đoạn thực tập ngắn hạn và giai đoạn thực tập dài hạn. Trong đó, giai đoạn ngắn hạn thường diễn ra trong học kỳ cuối của năm thứ hai hoặc thứ ba, giúp sinh viên làm quen với môi trường giáo dục thực tế, còn giai đoạn thực tập dài hạn diễn ra trong năm học cuối cùng, khi sinh viên được trực tiếp tham gia giảng dạy và quản lý lớp học dưới sự giám sát của các giảng viên và giáo viên hướng dẫn.

Tại Đại học Sư phạm TP.HCM, chương trình TTSP được thiết kế với sự kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo rằng sinh viên không chỉ nắm vững kiến thức chuyên môn mà còn có khả năng linh hoạt áp dụng vào thực tế giáo dục. Sinh viên phải hoàn thành tối thiểu 6 tháng thực tập tại các trường phổ thông, trong đó họ được yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ từ soạn giáo án, giảng dạy, đến đánh giá học sinh.

Việc thiết kế và triển khai chương trình thực tập đang gặp nhiều thách thức, bao gồm sự chênh lệch giữa lý thuyết và thực tiễn, cũng như thiếu sự đồng nhất trong việc đánh giá hiệu quả thực tập. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng khẳng định rằng TTSP là một phân không thể thiếu trong quá trình đào tạo giáo viên, giúp họ tự tin hơn trong việc giảng dạy và quản lý lớp học.

Một yếu tố quan trọng của chương trình TTSP là sự hợp tác giữa các trường đại học và các trường mầm non. Sự liên kết này đảm bảo rằng sinh viên thực tập có thể nhận được sự hỗ trợ tốt nhất từ cả giảng viên đại học và giáo viên phổ thông, đồng thời giúp tạo ra một môi trường học tập thực tế và chuyên nghiệp cho sinh viên.

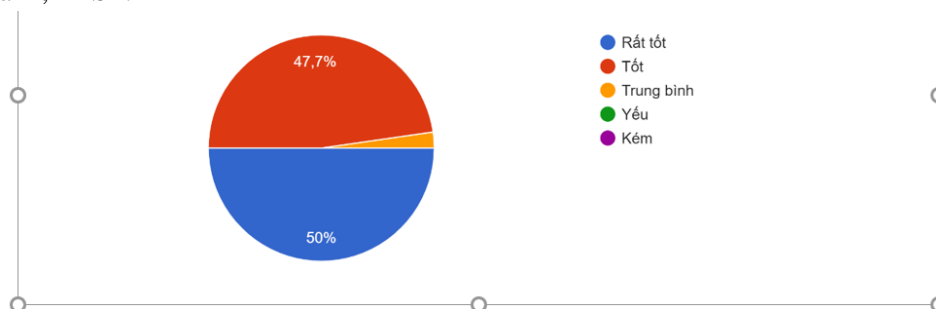
2.3. Khảo sát về chương trình thực hành, thực tập sư phạm

2.3.1. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích chương trình thực hành, TTSP trình độ cử nhân ngành GDMN tại các trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Hoa Lư, Đại học Huế, và Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội. Đồng thời, chúng tôi tiến hành phỏng vấn 89 sinh viên tại Đại học Hoa Lư và Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội. Các sinh viên này đã tham gia thực hành, TTSP và có kiến thức về nội dung chương trình. Ngoài ra, sử dụng phương pháp thảo luận, thăm dò ý kiến của một số giảng viên tại Hà Nội và Ninh Bình để đánh giá tính phù hợp và khả thi của các câu hỏi khảo sát.

2.3.2. Kết quả khảo sát sinh viên

Đánh giá của sinh viên về mức độ dễ hiểu và rõ ràng của các tiêu chí hướng dẫn chương trình thực hành, TTSP:



Biểu đồ 1. Đánh giá của sinh viên về mức độ dễ hiểu và rõ ràng của các tiêu chí hướng dẫn chương trình thực hành, TTSP

Kết quả cho thấy có 50% sinh viên có phản hồi kết quả là chương trình thực hành và TTSP đã thể hiện được cách hướng dẫn nhiệm vụ thực hành, TTSP ở mức rất tốt, vẫn có 02 ý kiến SV đánh giá ở mức trung bình.

Bảng 1. Đánh giá của sinh viên về mức độ phù hợp của nội dung nhiệm vụ thực hành và TTSP

(n=89)

Nội dung	Mức độ	Rất phù hợp	Khá phù hợp	Phù hợp	Phù hợp mức độ thấp	Không phù hợp	\bar{X}
1. Tìm hiểu các hoạt động của trường mầm non, nhiệm vụ của GVMN, các loại tài liệu, sổ sách lớp, các loại phương tiện, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.		61	20	8	0	2	4,52
2. Quan sát, thu thập thông tin và đánh giá về sự phát triển của trẻ		59	20	9	0	2	4,38
3. Xác định được tình trạng thể lực, dinh dưỡng của trẻ		58	17	12	0	2	4,36
4. Quan sát, tìm hiểu và tham gia tổ chức hoạt động của giáo viên tại nhóm lớp về: <i>Tổ chức giấc ngủ; Tổ chức bữa ăn; Tổ chức hướng dẫn trẻ các thao tác vệ sinh cá nhân và một số kỹ năng tự phục vụ</i>		57	25	7	0	0	4,47
5. Xây dựng kế hoạch tuần, kế hoạch ngày và cách thức đánh giá thực hiện các nội dung giáo dục		59	22	8	0	0	4,48
6. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động học		59	18	12	0	0	4,43
7. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động vui chơi, hoạt động góc, thể dục, chơi ngoài trời và thăm quan		58	20	12	0	0	4,47
8. Lập kế hoạch và tổ chức hoạt động học có vận dụng phương pháp tiến bộ		58	21	11	0	0	4,43
9. Tổ chức lớp học, thực hiện vai trò nhiệm vụ của các GVMN trong lớp		60	19	11	0	0	4,47
10. Có khả năng quản lí lớp học và quản lí hành vi trẻ		57	21	11	0	0	4,43
11. Đảm bảo các nguyên tắc an toàn trong trường học và sơ cứu		59	16	14	0	0	4,40

Kết quả cho thấy, SV đánh giá hầu hết nhiệm vụ đều ở mức độ phù hợp khá cao, trong đó được cho có mức độ phù hợp cao gồm: *Tìm hiểu các hoạt động của trường mầm non, nhiệm vụ của GVMN, các loại tài liệu, sổ sách lớp, các loại phương tiện, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.* ($\bar{X}=4,52$); *Xây dựng kế hoạch tuần, kế hoạch ngày và cách thức đánh giá thực hiện các nội dung giáo dục* ($\bar{X}=4,48$), *Quan sát, tìm hiểu và tham gia tổ chức hoạt động của giáo viên tại nhóm lớp về: Tổ chức giấc ngủ; Tổ chức bữa ăn; Tổ chức hướng dẫn trẻ các thao tác vệ sinh cá nhân và một số kỹ năng tự phục vụ* ($\bar{X}=4,47$). Điều này cho thấy sinh viên ngành GDMN đánh giá các nội dung của thực hành và TTSP đều ở mức độ phù hợp là các nội dung có tính thực tiễn cao, ít được trải nghiệm trong các giờ học lí thuyết trên lớp. Các nội dung SV đánh giá mức độ thấp nhất mà các

chương trình thực hành, TTSP cần chú trọng hơn đó là: *Xác định được tình trạng thể lực, dinh dưỡng của trẻ vụ ($\bar{X}=4,36$); Quan sát, thu thập thông tin và đánh giá về sự phát triển của trẻ ($\bar{X}=4,38$).*

Có một số ý kiến góp ý cụ thể của SV là:

- “*Cần tạo điều kiện sinh viên được thực hành, TTSP ở môi trường lớp học đa dạng hơn để có nhiều trải nghiệm khác nhau*” (HN ED 1).
- “*Cần có các bước chuẩn bị cho SV tìm hiểu các nhiệm vụ của đợt TTSP, thực hành kĩ hơn, có bước hướng dẫn cụ thể về kết quả mong đợi của chương trình thực hành, TTSP tốt*” (HN ED 1).
- “*Cần cập nhật kịp thời các hoạt động có trong kế hoạch chăm sóc, giáo dục của trường thực hành, TTSP để SV chuẩn bị tốt hơn*” (HN.22).

Có thể thấy, các ý kiến của SV ngành GDMN về chương trình thực hành, TTSP chú trọng đến thái độ, động cơ đối với nghề GVMN của SV. Mặt khác, chương trình thực hành, TTSP cần chú trọng đến tạo cơ hội giúp SV có nhiều trải nghiệm nhằm giúp tăng cường khả năng giao tiếp phù hợp và hiểu rõ nội dung chương trình, phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở các độ tuổi khác nhau.

2.4. Đề xuất nội dung hướng dẫn chương trình thực hành, thực tập sư phạm theo nhiệm vụ và sản phẩm hoạt động cơ bản của sinh viên ngành GDMN

Chương trình thực hành, TTSP đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển kĩ năng nghề nghiệp cho sinh viên ngành sư phạm tại các trường đại học ở Việt Nam. Việc tiếp xúc với môi trường giáo dục thực tế thông qua các kì thực tập không chỉ giúp sinh viên áp dụng kiến thức lí thuyết vào thực tiễn, mà còn cung cấp cơ hội để họ rèn luyện các kĩ năng cần thiết như giao tiếp, quản lí lớp học, và xử lí tình huống sư phạm.

Mỗi trường đại học ở Việt Nam có quy trình và khung chương trình thực tập khác nhau, tùy thuộc vào yêu cầu của ngành học và định hướng đào tạo của từng cơ sở giáo dục. Chẳng hạn, tại Đại học Sư phạm Hà Nội, chương trình TTSP bao gồm 2 giai đoạn chính: giai đoạn thực tập ngắn hạn và giai đoạn thực tập dài hạn. Trong đó, giai đoạn ngắn hạn thường diễn ra trong học kì cuối của năm thứ hai hoặc thứ ba, giúp sinh viên làm quen với môi trường giáo dục thực tế, còn giai đoạn thực tập dài hạn diễn ra trong năm học cuối cùng, khi sinh viên được trực tiếp tham gia giảng dạy và quản lí lớp học dưới sự giám sát của các giảng viên và giáo viên hướng dẫn.

Tại Đại học Sư phạm TP.HCM, chương trình TTSP được thiết kế với sự kết hợp chặt chẽ giữa lí thuyết và thực hành, đảm bảo rằng sinh viên không chỉ nắm vững kiến thức chuyên môn mà còn có khả năng linh hoạt áp dụng vào thực tế giáo dục. Sinh viên phải hoàn thành tối thiểu 6 tháng thực tập tại các trường phổ thông, trong đó họ được yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ từ soạn giáo án, giảng dạy, đến đánh giá học sinh.

Việc thiết kế và triển khai chương trình thực tập đang gặp nhiều thách thức, bao gồm sự chênh lệch giữa lí thuyết và thực tiễn, cũng như thiếu sự đồng nhất trong việc đánh giá hiệu quả thực tập. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng khẳng định rằng TTSP là một phần không thể thiếu trong quá trình đào tạo giáo viên, giúp họ tự tin hơn trong việc giảng dạy và quản lí lớp học.

Hơn nữa, một yếu tố quan trọng của chương trình TTSP là sự hợp tác giữa các trường đại học và các trường phổ thông. Sự liên kết này đảm bảo rằng sinh viên thực tập có thể nhận được sự hỗ trợ tốt nhất từ cả giảng viên đại học và giáo viên phổ thông, đồng thời giúp tạo ra một môi trường học tập thực tế và chuyên nghiệp cho sinh viên.

Việc phát triển các chương trình TTSP tại Việt Nam cần phải chú trọng đến việc cải thiện chất lượng thực hành giảng dạy, nâng cao khả năng tự chủ, tự đánh giá và tạo điều kiện để sinh viên có thể tiếp xúc với nhiều bối cảnh giáo dục khác nhau, từ nông thôn đến thành thị. Điều này sẽ giúp sinh viên sư phạm hiểu rõ hơn về đa dạng giáo dục và các thách thức mà họ sẽ phải đối mặt trong tương lai nghề nghiệp.

Các nội dung hướng dẫn chương trình thực hành, TTSP phải làm rõ mục tiêu thực hành, rèn luyện các kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng cá nhân xã hội; tập trung trải nghiệm, hình thành và phát triển các năng lực để SV có bước chuẩn bị khi tốt nghiệp và tham gia vào môi trường giáo dục thực tiễn. Các hoạt động thiết kế theo trình tự logic từ đơn giản đến phức tạp. Các hoạt động đảm bảo tính hệ thống khi bao quát toàn bộ các nhiệm vụ của giáo viên, đảm bảo sự tích hợp và đồng bộ với các học phần liên quan khác trong chương trình dạy học. Tuy nhiên các hoạt động còn thiên về hướng dẫn theo trình tự thời gian và cách thức tổ chức hoạt động.

Từ việc phân tích các thành phần năng lực nghề nghiệp của GVMN, Chúng tôi đề xuất cách hướng dẫn giúp người học theo dõi và tự điều chỉnh, suy ngẫm trong tiến trình thực hành nghề nghiệp như sau:

Bảng 2. Hướng dẫn Các nhiệm vụ thực hành, TTSP theo sản phẩm đầu ra

Nhiệm vụ	Thực hiện	Sản phẩm mong đợi
Thực hành phát triển năng lực chuyên môn		
1. Lập kế hoạch kiến tập/ thực tập	Lập kế hoạch kiến tập/ thực tập từng đợt, từng tuần dựa trên kế hoạch thực tế theo từng giai đoạn của trường mầm non thực hành;	Kế hoạch TTSP và rèn nghề đối với hoạt động chăm sóc và giáo dục tại trường mầm non theo đợt, có xác nhận của GVHD
2. Đánh giá tình trạng thể lực và dinh dưỡng của trẻ ở trường mầm non.	Đánh giá tình trạng và có giải pháp hỗ trợ thể lực và dinh dưỡng của trẻ ở trường mầm non.	Bản dữ liệu = thu thập số liệu liên quan đến thể lực và khẩu phần ăn của trẻ ở trường mầm non. Đưa ra nhận xét và hiểu được các chế độ dinh dưỡng và khẩu phần ăn phù hợp, cân đối.
3. Quan sát, thu thập thông tin về sự phát triển trẻ.	Nhận diện về đặc điểm nổi bật về tâm lý của trẻ, nhận diện, mô tả về các trường hợp 02 - 03 trẻ trong đó có nhu cầu giáo dục đặc biệt; Lập kế hoạch hỗ trợ phù hợp; có xác nhận của GV hướng dẫn.	Bản mô tả cụ thể về 02 – 03 ca trẻ, trong đó có trẻ nhu cầu giáo dục đặc biệt.
4. Lập kế hoạch giáo dục	Lập kế hoạch giáo dục theo từng độ tuổi: Xây dựng kế hoạch tuần, kế hoạch tháng, kế hoạch năm học và cách thức đánh giá thực hiện các nội dung giáo dục đối với nhóm lớp được phân công.	- Kế hoạch tuần, kế hoạch tháng, kế hoạch năm học phù hợp với nhóm lớp được phân công. - Bản tổng hợp đánh giá các tiêu chí thực hiện các nội dung giáo dục đối với nhóm lớp được phân công.
5. Đánh giá tổ chức chế độ sinh hoạt, quan sát hoạt động vui chơi và tổ chức thực hiện chế độ sinh hoạt:	Dự giờ tổ chức hoạt động vui chơi, thể dục sáng, hoạt động ngoài trời và hoàn thành phiếu dự giờ tổ chức hoạt động vui chơi (<i>đối với lớp mẫu giáo</i>); hoạt động với đồ vật (<i>đối với lớp nhà trẻ</i>) ở trường mầm non do giáo viên hướng dẫn tổ chức, tham gia thảo luận sau hoạt động.	- Các phiếu quan sát đã hoàn thành ghi chép của bản thân rút ra bài học sau dự giờ và thảo luận cùng các bạn trong nhóm. - Bản thu hoạch về mô tả quá trình tổ chức được các chế độ sinh hoạt, hoạt động chơi. HĐVĐV, rút ra bài học suy ngẫm của bản thân và từ dự giờ GV và các bạn.
6. Dự giờ và tổ chức các hoạt động giáo dục	Dự 16 giờ (lứa tuổi nhà trẻ, lứa tuổi mẫu giáo) và tổ chức hoạt động các học tập theo kế hoạch thực hành h; hoàn thành phiếu dự giờ; tham gia thảo luận sau mỗi hoạt động.	- Các phiếu dự giờ hoàn thành việc quan sát, có phần ghi chép của bản thân rút ra bài học sau dự giờ và thảo luận cùng các bạn trong nhóm.

		- Tổ chức các hoạt động học tập, rút ra bài học suy ngẫm của bản thân và từ dự giờ GV và các bạn.
7. Tìm hiểu cách thức sử dụng phương tiện, đồ dùng, vật liệu hoạt động phù hợp cho trẻ.	Lựa chọn phương tiện, đồ dùng, vật liệu hoạt động phù hợp cho trẻ Hướng dẫn trẻ trải nghiệm với phương tiện, đồ dùng, vật liệu.	Bản tài liệu mô tả về chức năng, đặc điểm của phương tiện, đồ dùng, vật liệu và lựa chọn phương tiện, đồ dùng, vật liệu sao cho phù hợp với lứa tuổi của trẻ và hoạt động tổ chức cho trẻ Thiết kế 1 số đồ dùng và hiểu cách hướng dẫn trẻ sử dụng phương tiện, đồ dùng, vật liệu đúng chức năng và phù hợp với lứa tuổi của trẻ
8. Tìm hiểu và thực hiện sự phân công các vị trí đã được quy định (cô A, cô B, cô C).	Xác định vai trò, nhiệm vụ của GV mầm non theo từng vị trí trong lớp học (cô A, cô B, cô C). Lập kế hoạch và thực hiện phân công theo vị trí.	Bản phân công và mô tả vị trí, thực hiện phân công, phối hợp hiệu quả theo vai trò của GV mầm non ở các vị trí đã được quy định).
Thực hành phát triển năng lực giao tiếp, ứng xử và rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp		
9. Giao tiếp, ứng xử trong sự phạm.	Đóng vai xử lý 01 tình huống sự phạm thường phát sinh trong quá trình dạy học và giáo dục, trong đó có 5 phút trình bày về nguyên tắc xử lý tình huống trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non.	Bản mô tả ghi lại tình huống bằng các hình thức khác nhau: hình ảnh, tài liệu, VIDEO về tìm hiểu nguyên tắc và cách xử lý tình huống sự phạm ở trường mầm non và vận dụng trong thực tiễn.
10. Luyện tập ngôn ngữ (và phi ngôn ngữ trong học tập và cuộc sống.	Thực hành luyện tập ngôn ngữ (phát âm chuẩn, tròn âm, có ngữ điệu) và phi ngôn ngữ (trang phục, tác phong lịch sự, cử chỉ hành vi thể hiện sự tôn trọng) trong học tập và cuộc sống.	Báo cáo minh chứng quá trình rèn luyện. Thể hiện luyện tập qua các hoạt động học tập.
11. Kỹ năng hành chính	Sử dụng được các thiết bị in ấn, máy photo, máy chiếu, bảng tương tác, các thiết bị dạy học.	Báo cáo quá trình học cách sử dụng cơ bản các thiết bị trong trường học

3. Kết luận

Mức độ phù hợp của các nội dung thực hành, TTSP đều được SV đánh giá khá cao. Từ những kết quả đề xuất của thực trạng trên, chúng tôi đề xuất cần có các chương trình thực hành, TTSP được xây dựng cụ thể về chỉ số đầu ra hướng đến những năng lực cần thiết trong giai đoạn hiện nay phù hợp với nhu cầu xã hội và xu hướng giáo dục đào tạo SV và GVMN.

Chương trình thực hành, TTSP ở các cơ sở đào tạo GVMN hiện nay ở Việt Nam có sự thống nhất về cấu trúc như bao gồm các phần thực hành các môn học chuyên ngành, TTSP ở 2 đợt năm thứ ba và năm thứ tư hoặc ở một số trường có xu hướng gộp cả 2 đợt TTSP và các đợt kiến tập, thực hành theo học phần riêng. Hầu hết, các nội dung thực hành, TTSP được các trường chuẩn bị theo đoàn, có tổ chức để SV đến thực tập theo hướng dẫn trực tiếp của giảng viên các khoa đào tạo; Chưa có các chương trình được thiết kế có tính mở hơn với các kết quả đầu ra và hỗ trợ sinh viên tự liên hệ đến các cơ sở thực hành, thực tập.

Việc phát triển các chương trình TTSP tại Việt Nam cần phải chú trọng đến việc cải thiện chất lượng thực hành giảng dạy, nâng cao khả năng tự chủ, tự đánh giá và tạo điều kiện để sinh viên có thể tiếp xúc với nhiều bối cảnh giáo dục khác nhau, từ nông thôn đến thành thị. Điều này

sẽ giúp sinh viên sư phạm hiểu rõ hơn về đa dạng giáo dục và các thách thức mà họ sẽ phải đối mặt trong tương lai nghề nghiệp.

Các cơ sở đào tạo cũng cần có sự đầu tư hơn cho công tác chuẩn bị, hướng dẫn SV trước khi thực hành, TTSP và góp ý rút kinh nghiệm chuyên môn cho các em trong và sau quá trình thực hành, TTSP; Các hệ thống hướng dẫn kết quả đầu ra với mong đợi rõ ràng về các hoạt động của SV, nhưng cũng cần chú trọng đến giúp sinh viên có động cơ và phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn trong tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục ở trường mầm non.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Kaļķe B, Baranova S, & Āboltiņa L, (2022). Self-Assessment of the Professional Competence of Preschool Teaching Student. *Acta Paedagogica Vilnensia*, 48, 116-128.
- [2] Kunter M, & Klusmann U, (2013). Professional competence of teachers: Effects on instructional quality and student development. *Journal of Educational Psychology*, 105(3), 805–820. <https://doi.org/10.1037/a0032583>
- [3] Hnizdilova O, Czepil M & Karpenko O, (2023). Practical training as a necessary component of future professional preschool teacher’s training in higher educational institutions in Ukraine. *Annales Universitatis Mariae Curie-Sklodowska. Section J, Paedagogia-Psychologia*, 36(3), 145–155. <https://doi.org/10.17951/j.2023.36.145-155>
- [4] Urban M, Vandebroek M & Peeters J, (2011). Competence requirement in early childhood education and care. A study for the European Commission Directorate General for Education and Culture, University of London and Ghent.
- [5] LT Luận (2021). Đào tạo GVMN dựa trên khung năng lực GVMN khu vực Đông Nam Á. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 66(4C).
- [6] LT Chung & HT Nho (2022). Sự đáp ứng của chương trình thực hành, TTSP ở các cơ sở đào tạo với yêu cầu về năng lực sư phạm của GVMN trong giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 67(4A), 132-141. <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2022-0087>
- [7] Lillist A, Sandberg A, Sheridan S & Williams P, (2014). Preschool teacher competence viewed from the perspective of students in early childhood teacher education. *Journal of Education for Teaching: International Research and Pedagogy*, 40(1), 3-20. <https://doi.org/10.1080/02607476.2013.864014>
- [8] Weatherby-Fell N, Duchesne S & Neilsen-Hewett C, (2019). Preparing and supporting early childhood pre-service teachers in their professional journey. *The Australian Educational Researcher*, 46(4), 621-637.